

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

1.1.1. Tên dự án:

- Dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6.

1.1.2. Vị trí thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Vân Nội và xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội).

1.1.3. Chủ dự án

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND xã Phúc Thịnh (Theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công, các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp).

- Đại diện chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng xã Phúc Thịnh (Theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng xã Phúc Thịnh thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư trong việc lập và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn xã Phúc Thịnh).

- Địa chỉ: thôn Cổ Dương, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

- Nhóm dự án: Nhóm B. Tổng mức đầu tư: dự kiến 665.612.000.000 đồng.

- Dự án được thực hiện theo Quyết định số 6727/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6 và Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công, các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

- Tiến độ thực hiện Dự án: Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025; thực hiện đầu tư: 2026-2029.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô của dự án

- */ Theo Quyết định số 6727/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Đông Anh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, quy mô dự án như sau:

Giải phóng mặt bằng, san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện; hệ thống phòng cháy chữa cháy; Bó ống kỹ thuật, khu cây xanh, mặt nước, hệ thống chiếu sáng,... Diện tích khu đất nghiên cứu khoảng 35,09ha.

1.2.2. Công nghệ sản xuất của dự án

Dự án thuộc loại hình xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật. Do vậy, dự án không có quy trình sản xuất. Chủ đầu tư dự án sẽ thành lập hoặc thuê một Công ty quản lý chuyên

nghiệp để điều hành các công tác quản lý toàn bộ dự án trong giai đoạn xây dựng. Sau khi đầu tư xây dựng công trình hoàn thành, Chủ đầu tư dự án tổ chức bàn giao công trình cho Đơn vị chuyên trách được UBND thành phố giao để thực hiện công tác quản lý và duy tu thường xuyên.

1.2.2. Phạm vi của dự án

* Phạm vi ranh giới: Phía Nam giáp cầu vượt Vân Trì; Phía Tây giáp đường gom Võ Nguyên Giáp; Phía Bắc và phía Đông giáp đất nông nghiệp.

Tổng diện tích đất khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết khoảng 45,15 ha, trong đó có 100.577,89m² đất sau này thực hiện dự án riêng, còn lại 350.925,25m² thuộc dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6, chức năng sử dụng đất như sau:

- Đất công cộng thành phố: (ký hiệu CCTP) diện tích đất 174.927,48 m², chiếm tỷ lệ 38,74%, diện tích xây dựng 149.986,3 m². Trong đó:

+ Đất công cộng thành phố (ký hiệu 2.6.2): diện tích đất 74.349,59 m², diện tích xây dựng 61.316,73 m², mật độ xây dựng 0,82 %, hệ số sử dụng đất 0,7 lần.

+ Đất công cộng thành phố (ký hiệu 2.6.3): diện tích đất 100.577,89 m², diện tích xây dựng 88.669,57 m², mật độ xây dựng 0,88 %, hệ số sử dụng đất 1,3 lần. Khu vực thực hiện theo dự án riêng không thuộc phạm vi dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6

- Đất công cộng dịch vụ ở (ký hiệu CC): diện tích đất 9.705,74 m², diện tích xây dựng 7.502,87 m², tỷ lệ 2,15%, hệ số sử dụng đất 0,5 lần, mật độ xây dựng 0,77.

- Đất công cộng khu vực (ký hiệu CCKV): diện tích đất 75.468,67 m², tỷ lệ 16,71%, diện tích xây dựng 61.678,39 m², hệ số sử dụng đất 3,1 lần, mật độ xây dựng 0,82.

- Đất cây xanh thành phố: diện tích 58.329,69 m², tỷ lệ 12,92%, bao gồm:

+ Đất cây xanh thành phố (ký hiệu 2.6.1): có diện tích khoảng 47.810,36 m², tỷ lệ 10,59%.

+ Đất cây xanh thành phố (ký hiệu 2.6.4): diện tích 10.519,33 m², tỷ lệ 2,33%

- Đất trường tiểu học: Đất trường học (ký hiệu TH), diện tích đất 16.608,5 m², tỷ lệ 3,68%, diện tích xây dựng 13.851,17 m², hệ số sử dụng đất 0,8 lần, mật độ xây dựng 0,83.

- Đường mặt nước, ký hiệu (MN) có diện tích 18.449,77 m², chiếm tỷ lệ 4,09%, bao gồm:

+ Đất mặt nước (ký hiệu MN1) diện tích 11.143,3 m², tỷ lệ 2,47%.

+ Đất mặt nước (ký hiệu MN2) diện tích 7.306,47 m², tỷ lệ 1,62% .

- Đất đường giao thông có diện tích 98.013,29m², chiếm tỷ lệ 21,71%.

Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện đánh giá trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục: GPMB; san nền, xây dựng đường giao thông; hệ

thống thoát nước, cấp nước hệ thống phòng cháy, cấp điện, chiếu sáng, áy chữa cháy, cây xanh,... và các hạng mục HTKT khác với diện tích toàn dự án khoảng 35,09ha và đánh giá trong giai đoạn hoạt động của dự án. Phạm vi báo cáo không bao gồm việc đánh giá cho quá trình thi công và vận hành các công trình thành phần, ...

1.3. Công nghệ sản xuất: Dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Phạm vi san nền: San nền khu đất xây dựng có diện tích khoảng 350.925,25 m² (không san nền ô đất công cộng thành phố (ký hiệu CCTP2) có diện tích đất 100.577,89 m²).

- Hệ thống đường giao thông bao gồm 04 tuyến đường với chiều dài tuyến 1 là 868,06m; tuyến 2 dài 1546,89m; tuyến 3 dài 291,84m và tuyến 4 dài 257,81m. Tổng chiều dài các tuyến đường là 2.964,6m.

- Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và PCCC; hệ thống cấp điện và điện chiếu sáng, trạm biến áp theo quy hoạch; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cây xanh trên các tuyến đường,.. đồng bộ và khớp nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực.

- Hoàn thiện, chỉnh trang hạ tầng: Thực hiện xử lý nền hiện trạng như phá dỡ đường bê tông xi măng hiện trạng nằm trong phạm vi lô đất san nền: 630,26m²; phá dỡ đường bê tông xi măng hiện trạng nằm trong phạm vi đường giao thông với diện tích 1318,64 m²; thực hiện vét bùn ao mương hiện trạng nằm trong phạm vi lô đất san nền với diện tích 2.916,46 m²; vét bùn ao mương hiện trạng nằm trong phạm vi đường giao thông với diện tích 1.929,62m²; hạ ngầm và di chuyển tuyến đường điện hiện trạng.

* Các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động thi công (văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,...).

b. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

***) Giai đoạn thi công xây dựng**

- Nhà vệ sinh di động; thiết bị chuyên dụng lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải xây dựng.

- Cầu rửa xe, hố lắng có bố trí vải lọc dầu để thu gom, xử lý nước thải rửa xe.

- Thi công tuyến rãnh kết hợp hố lắng cạnh để thoát nước tạm trên công trường thi công.

***) Giai đoạn vận hành**

- Hệ thống thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước thải.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đền bù và giải phóng mặt bằng: Diện tích chiếm dụng đất của Dự án 350.925,25 m², diện tích đền bù, giải phóng mặt bằng 350.925,25m², trong đó: diện tích đất trồng lúa 2 vụ khoảng 15.000 m², còn lại là đất nương nội đồng (đất công), đất đường giao thông.

- Rà phá bom mìn, san nền, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án, hoạt động vận chuyển chất thải đi đổ thải, hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng,...

- Xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống cấp nước và PCCC, cấp điện, chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc.... đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

b) Giai đoạn vận hành: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của dự án trên các tuyến đường nội bộ, các khu cây xanh, khu công cộng đơn vị ở; khu trường tiểu học, khu công cộng thành phố, khu công cộng khu vực...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ được thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án là khoảng 15 ha tại xã Phúc Thịnh (trước đây là xã Vân Nội và xã Tiên Dương). Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

a. Vị trí thực hiện dự án

Dự án “GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6” trên địa bàn xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Các vị trí tiếp giáp của Dự án như sau:

- Phía Đông giáp tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang B=25m và khu vực dân cư thôn Cổ Dương, xã Phúc Thịnh.

- Phía Nam giáp tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang B=30m.

- Phía Tây Bắc giáp tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang từ B=17,5m.

- Phía Bắc giáp tuyến đường quy hoạch có mặt cắt ngang B=30m.

Khu vực nghiên cứu quy hoạch có vị trí thuộc ranh giới hành chính xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Vân Nội, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); nằm trong Phân khu đô thị N7, đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/5000.

Ranh giới khu đất dự án được giới hạn bởi các mốc 1,2,3...27 về 1.

Bảng 1.1: Toạ độ ranh giới khu đất

STT	Tên mốc	Toạ độ	
		X	Y
1	1	2340301.28	584947.17
2	2	2340285.98	584990.45
3	3	2340264.57	585049.97
4	4	2340245.77	585098.26
5	5	2340209.85	585202.96
6	6	2340190.63	585231.94
7	7	2340214.61	585232.12
8	8	2340651.28	585230.07
9	9	2340667.56	585229.99
10	10	2340682.55	585244.92
11	11	2340682.56	585705.57
12	12	2340681.80	585729.20
13	13	2340721.32	585732.86
14	14	23400935.47	585752.00
15	15	2340950.39	585753.39
16	16	2341176.77	585181.00
17	17	2341167.87	585075.96
18	18	2341106.20	584974.41
19	19	2341061.02	584949.40
20	20	2341054.65	584938.34
21	21	2341029.27	584936.33
22	22	2340918.20	584936.05
23	23	2340896.04	584937.01
24	24	2340815.32	584944.18
25	25	2340782.40	584945.25
26	26	2340624.62	584945.24
27	27	2340457.85	584945.49

b. Hiện trạng quản lý sử dụng đất trong khu vực thực hiện dự án

Dự án “GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6” nằm trên địa bàn xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Vân Nội và xã Tiên Dương, huyện Đông Anh) có diện tích nghiên cứu khoảng 35,09 ha (theo quyết định phê duyệt chủ trương số 6727/QĐ-UBND ngày 12/05/2025 của UBND huyện Đông Anh).

Qua khảo sát thực tế cho thấy: Khu đất thực hiện dự án chủ yếu là chủ yếu là đất nông nghiệp, đất giao thông, đất mặt nước, đất nghĩa trang... Trong khu vực dự án không có dân cư sinh sống.

Hiện trạng các loại đất trong khu vực dự án bao gồm các loại đất sau:

Bảng 1.2. Hiện trạng sử dụng đất của dự án

STT	Hiện trạng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Đất đất trồng lúa nước 2 vụ trở lên	150.000	42,74	Đất trồng lúa nước 2 vụ trở lên của khoảng 205 hộ dân đang thực hiện canh tác do năng suất lúa kém người dân chuyển qua trồng rau màu
2	Đất đường giao thông, thủy lợi nội đồng	152.653	43,5	Đất do UBND xã Phúc Thịnh quản lý
2.1	Đất mặt nước	96.259		
2.2	Đất đường giao thông (đường đất, đường bê tông...)	56.394		
3	Đất nghĩa trang, đền, chùa, miếu	48.272	13,76	
3.1	Đất nghĩa trang	48.272		
	Tổng	350.925	100	

Khu vực dự án hiện chủ yếu là đất ruộng canh tác, không có đất ở, không có dân cư sinh sống rất thuận lợi cho việc xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa, đảm bảo đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, tuân thủ quy hoạch thoát nước, san nền chung của khu vực.

Cụ thể số hộ dân mất đất nông nghiệp sẽ được xác định rõ trong quá trình GPMB, trích đo quy chủ.

Bảng 1.3. Hiện trạng các công trình ngầm/nổi trên khu đất dự án

TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Công trình nổi			

TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Lúa 2 vụ trên đất nông nghiệp trồng lúa	m ²	150.000	Người dân sẽ tự thu hoạch để GPMB
2	Đường bê tông (rộng từ 5 - 6m)	m ²	152.653	Khi thực hiện dự án sẽ phá dỡ để GPMB
	Cột điện của Tuyến điện trung thế 22kV (nằm trên đường bên tông xi măng và giữa ruộng)	Cột	có 2143m cáp trung thế và 12 cột điện trung thế	Khi thực hiện dự án sẽ phá dỡ để giải phóng mặt bằng.
	Móng bê tông cho từng cột điện (20 móng) (nằm trên đường bê tông xi măng)	m ³	12	Khi thực hiện dự án sẽ tiến hành san lấp
3	Đường bờ đất	m ²	1.200	
II	Công trình ngầm			
1	Tuyến mương mương xây gạch bề rộng thông thủy từ B600 đến B1000 có chiều dài tuyến mương B1000 khoảng 100m	m ²	1495	Hoàn trả mương xây mới B1000, chiều dài tuyến mương hoàn trả khoảng 550m đi trên vỉa hè phía Đông dự án
2	Ngôi mộ (nằm rải rác trên đất nông nghiệp)	Ngôi mộ	31	Di dời đến nghĩa trang tập trung của thôn Cổ Dương, Tiên Dương

Trong đó diện tích đất nông nghiệp là đất trồng lúa 2 vụ, đất công là diện tích đường giao thông nội đồng và diện tích các tuyến đường hiện trạng, được tận dụng tối đa kết cấu, hướng tuyến, vị trí cũ và tăng cường kết cấu.

*** Hiện trạng thoát nước và hệ thống kênh mương**

- Cao độ nền khu vực ruộng canh tác từ 4,30m đến 5,40m.
- Khu vực nghiên cứu hiện nay thoát nước chủ yếu về phía Nam của dự án thông qua hệ thống mương nội đồng.

Theo khảo sát hiện trạng khu đất dự án của đơn vị tư vấn thiết kế dự án thì toàn bộ mương trong dự án là mương nội đồng chức năng là mương tưới tiêu bao gồm mương đất và mương xây. Diện tích mương nội đồng mà dự án chiếm dụng thuộc phạm vi quản lý của xã Phúc Thịnh là 2520,77m², tổng chiều dài 1495m, bao gồm các tuyến mương hiện trạng như sau:

Bảng 1.4. Hiện trạng các tuyến mương dự án chiếm dụng

STT	Tên tuyến mương	Chiều dài (m ²)	Bề rộng	Kết cấu	Vị trí
1	Tuyến 1 (MN-01)	145	1-2m	Mương đất	Phía Tây Bắc dự án
2	Tuyến 2 (MN-02)	172	0,6m	Mương xây	Phía Tây Bắc dự án
3	Tuyến 3 (MN-03)	172	1m	Mương xây	Phía Tây Bắc dự án
4	Tuyến 4 (MN-04)	138	1m	Mương đất	Phía Bắc dự án
5	Tuyến 5 (MN-05)	190	0,8m	Mương xây	Phía Tây dự án
6	Tuyến 6 (MN-06)	92	1-2m	Mương đất	Phía Bắc dự án
7	Tuyến 7 (MN-07)	31	1m	Mương đất	Phía Bắc dự án
8	Tuyến 8 (MN-08)	140	0,8m	Mương xây	Phía Bắc dự án
9	Tuyến 9 (MN-09)	114	1m	Mương đất	Phía Tây Nam dự án
10	Tuyến 10 (MN-10)	180	1-2m	Mương đất	Phía Đông Bắc dự án
11	Tuyến 11 (MN-11)	106	1-2m	Mương đất	Phía Đông Bắc dự án
12	Tuyến 12 (MN-12)	5	1m	Mương đất	Phía Tây Bắc dự án
13	Tuyến 13 (MN-13)	10	0,6m	Mương xây	Phía Tây Bắc dự án

** Hiện trạng chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật*

- Khu đất lập quy hoạch nằm có địa hình khá bằng phẳng, hướng dốc chủ yếu về phía Đông của dự án.

- Hiện trạng cao độ nền:

+ Cao độ nền khu vực ruộng canh tác từ 4,30m đến 5,40m.

+ Cao độ ruộng canh tác dao động từ 9,10 m – 11,10 m.

+ Hướng dốc nền từ Tây xuống Đông

Nhận xét: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có cao độ nền hiện trạng tương đối cao và tương đối bằng phẳng.

** Hiện trạng giao thông*

Khu đất dự án chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, giáp khu dân cư xã Vân Nội (cũ), trong khu vực nghiên cứu hiện có tuyến đường bê tông rộng từ 3 m – 5 m kết nối xã Vân Nội và xã Tiên Dương cũ (nay là xã Phúc Thịnh), còn lại chủ yếu là đường bờ đất có bề rộng từ 2m - 5m phục vụ sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

Nhận xét: Khu vực chủ yếu là đất nông nghiệp, thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

Nhận xét: Khu đất nghiên cứu lập quy hoạch hiện có các tuyến điện cao thế và trung thế cắt qua, theo quy hoạch các tuyến điện trên được di chuyển hạ ngầm dọc theo đường quy hoạch. Trong giai đoạn trước mắt việc khai thác quỹ đất còn hạn chế do phải đảm bảo an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật.

** Hiện trạng lưới điện khu vực*

Hiện có tuyến ĐDK 22KV đi ngang qua dự án cụ thể như sau:

- ĐDK 22KV thuộc lộ 475E1.1 từ cột Recloer 1 Cổ Dương đến cột 16 và từ cột 9 - :- cột 4 nhánh Cổ Dương dài khoảng 880m

- ĐDK 22KV thuộc lộ 471E1.1 Từ cột 22 đến cột 24 đi sân bay Nội Bài dài khoảng 299m.

- ĐDK 22KV thuộc lộ 474E1.1 Từ cột 16 đến cột 18 đi sân bay Nội Bài dài khoảng 228m.

- ĐDK 22KV thuộc lộ 471E1.1 Từ cột 16A (dao 16A) đến cột dao 1 Cổ Dương và từ cột 4 -:- cột dao 20A -:- cột 39 dài khoảng 1004m.

- ĐDK 22KV thuộc lộ 482E1.1 từ cột 7 đến cột 16 dài khoảng 479m.

Trạm biến áp Cổ Dương 4:

- Trên tuyến ĐDK 0,4kV xuất tuyến sau TBA cấp điện cho dân cư thôn Cổ Dương từ cột CD4/1B-:- CD4/4B đi ngang tuyến đường nằm trong phạm vi xây dựng dự án. Tuyến điện đi nổi dây dẫn sử dụng loại cáp nhôm xoắn ABC 4x50 đi trên cột bê tông cần di chuyển.

** Hiện trạng thông tin liên lạc*

Trong khu vực nghiên cứu, hiện không có tuyến cáp quang, tổng đài điều khiển (HOST) cũng như tổng đài vệ tinh (TVT).

Nhận xét: Cần phải xây dựng các tủ cáp cũng như tuyến cáp thông tin mới để phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của khu vực quy hoạch.

** Hiện trạng cấp nước*

Trong khu vực dự án hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của Thành phố.

** Hiện trạng thoát nước mưa*

Nước mặt trong khu vực chủ yếu được thoát vào hệ thống mương tiêu thủy lợi sau đó thoát về đầm Vân Trì nằm ở phía Nam khu vực dự án.

** Hiện trạng thoát nước bẩn*

Nước thải sinh hoạt: Hiện tại ở khu đất nghiên cứu chủ yếu là đất nông nghiệp, chưa có hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải tập trung.

Nước thải khu dân cư hiện trạng thoát vào hệ thống cống, rãnh thoát nước chung và sau đó thoát ra hệ thống các tuyến mương nội đồng.

** Hiện trạng môi trường*

Nước chảy tràn do hoạt động tưới tiêu ở khu vực trồng trọt. Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất cát, rác thải, dầu mỡ và tạp chất rơi vãi trên mặt đất xuống nguồn nước gây ảnh hưởng đến môi trường.

c. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

*** Thông tin về quy hoạch 1/500 khu vực dân cư các thôn: Cổ Dương, xã Phúc Thịnh, huyện Đông Anh.**

Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Hai bên tuyến đường Nhật Tân – Nội Bài tỷ lệ 1/500 – Đoạn 1, Đoạn 2, Đoạn 3 (đường Võ Nguyên Giáp), địa điểm: Huyện Đông Anh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6630/QĐ-UBND ngày 02/12/2015.

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được nằm trong địa giới hành chính xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội, thuộc các ô quy hoạch GN.8-1 và GN.8-3, có tổng diện tích khoảng 830.748m², với quy mô dân số khoảng 8.302 người. Gồm các chức năng cụ thể như sau:

- Đất giao thông đô thị và khu vực có diện tích khoảng 68.644 m² (bao gồm đường giao thông đô thị và khu vực).

- Đất đơn vị ở có diện tích khoảng 724.199 m², trong đó:

- + Đất công cộng đơn vị ở có diện tích khoảng: 39.352 m²; gồm 13 ô đất có ký hiệu: CC01, CC02, ..., CC12, CC13 (bao gồm: trung tâm thương mại, chợ, siêu thị, cửa hàng dịch vụ, cửa hàng bán lẻ, nhà văn hóa các thôn và nhà sinh hoạt cộng đồng).

- + Đất cây xanh, TDTT đơn vị ở, nhóm ở có diện tích khoảng: 47.003 m²; gồm 17 ô đất có ký hiệu: CX01, CX02, ..., CX17 (bao gồm: các khu công viên, vườn hoa, sân chơi, TDTT, cảnh quan mặt nước hiện có,...).

- + Đất trường trung học cơ sở có diện tích khoảng: 26.821 m²; gồm 01 ô đất có ký hiệu: THCS.

- + Đất trường tiểu học có diện tích khoảng: 13.371 m²; gồm 01 ô đất có ký hiệu: TH.

- + Đất trường mầm non có diện tích khoảng: 17.440 m²; gồm 02 ô đất có ký hiệu: MG01, MG02.

- + Đất nhóm ở có diện tích khoảng 494.982 m², trong đó:

- ++ Đất nhóm nhà ở hiện có diện tích khoảng: 300.869 m²; gồm 98 ô đất có ký hiệu: LX1, LX2, LX3, ..., LX98 (bao gồm đất ở dân cư hiện có của các thôn: Cổ Dương; diện tích các ô đất bao gồm cả đất vườn liền kề, đường vào nhà (nếu có).

- ++ Đất ở liền kề có diện tích khoảng: 58.942 m²; gồm 61 ô đất có ký hiệu: LK01; LK02, LK03, ..., LK61 (ưu tiên phục vụ tái định cư, di dân tại chỗ cho các hộ dân cần di dời để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông trong khu vực)

- ++ Đất đường nhóm nhà ở, lối vào nhà có diện tích khoảng: 135.171 m².

+ Đất bãi đỗ xe tập trung có diện tích khoảng: 27.632 m²; gồm 08 ô đất có ký hiệu: P01, P02, ..., P08 (trong đó có ô P03, P04, P07, P08 bố trí xây dựng cao tầng).

+ Đất đường giao thông phân khu vực có diện tích khoảng: 57.598 m².

- Các loại đất khác trong phạm vi khu dân dụng:

- Đất di tích, tôn giáo - tín ngưỡng có diện tích khoảng: 13.118 m²; gồm 04 ô đất có ký hiệu: TG01, TG02, TG03, TG04 (chùa Tiên Cảnh, đình Cổ Dương).

- Đất cơ quan có diện tích khoảng: 199 m²; gồm 01 ô đất có ký hiệu: CQ (gồm Công ty điện lực Đông Anh).

Đất hạ tầng kỹ thuật có diện tích khoảng: 357 m²; gồm 02 ô đất có ký hiệu: HT01, HT02 (bao gồm trạm xăng và trạm điện hiện có).

Đất công viên sinh thái nông nghiệp có diện tích khoảng: 24.231 m²; gồm ô đất ký hiệu NN.

d. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

** Các đối tượng tự nhiên*

- Hệ thống đường giao thông đường bộ: tiếp giáp dự án là tuyến đường giao thông liên thôn của xã Phúc Thịnh với bề rộng mặt đường khoảng 2-8m, và các tuyến đường bê tông ngõ xóm với bề rộng mặt đường khoảng 3-5m.

- Hệ thống sông suối, ao, hồ và kênh mương thoát nước: Xung quanh khu vực dự án có các mương nội đồng nằm ở phía Bắc và phía Tây dự án.

- Các đối tượng khác: Tại khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án trong khoảng bán kính 1km không có các đối tượng như khu rừng bảo hộ, khu rừng sinh quyển hoặc các khu vực bảo tồn thiên nhiên quốc gia,...

** Các đối tượng kinh tế - xã hội*

- Phía Tây của Dự án nằm tiếp giáp với khu dân cư thôn Phúc Thịnh 2;

- Trường mầm non Phúc Thịnh cách ranh giới phía Tây Bắc dự án khoảng 200m;

- Nhà Văn Hóa thôn Cổ Dương cách ranh giới phía Tây Bắc dự án khoảng 165;

- Sân bóng Phúc Thịnh cách ranh giới dự án khoảng 20m về phía Tây Bắc;

- UBND xã Phúc Thịnh cách ranh giới dự án khoảng 150m.

- Dự án cách khu dân cư thôn Cổ Dương gần nhất là 50m

- Trong khu vực thực hiện Dự án không có các công trình tôn giáo, văn hóa, khu bảo tồn thiên nhiên.

Khu vực có yếu tố nhạy cảm với môi trường: Diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ được thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án là khoảng 15 ha tại xã Phúc Thịnh. Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của

Luật Bảo vệ môi trường và điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Nước thải, khí thải

1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng lớn nhất khoảng $2,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu bao gồm Tổng N, Tổng P, BOD5, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải thi công: phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa xe và rửa thiết bị, dụng cụ thi công. Lưu lượng lớn nhất khoảng $6,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải

- Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của khu vực công cộng dịch vụ ở và trường học; khu vực cây xanh công cộng...: Đơn vị được giao thực hiện, quản lý tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện việc thu gom nước thải phát sinh, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng mặt bằng, bóc đất hữu cơ, san nền; vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc thi công và thi công các hạng mục công trình; khí thải từ hoạt động cơ khí với thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 ,...

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông của các phương tiện đi lại xung quanh khu vực dự án, phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là các khí CO_x , NO_x , SO_2 ,...

3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường với khối lượng khoảng 30 kg/ngày . Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, túi nilon,...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ ô đất công cộng dịch vụ ở, đất công cộng thành phố, trường học: Đơn vị được giao làm Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành các hạng mục công trình rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm thực

hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang thực vật phát sinh khối lượng khoảng 33,92 tấn/giai đoạn thi công, thành phần chủ yếu gồm: sinh khối thực vật, cành lá, đất cát bám theo rễ cây,...

- Bóc tách hữu cơ bề mặt phát sinh khối lượng khoảng 23642,81 tấn được tận dụng toàn bộ để đắp bù đất cho các hạng mục trồng cây xanh của dự án, không phát sinh hoạt động đổ thải ra ngoài môi trường.

- Hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh phế thải xây dựng, khối lượng khoảng 6808,11 tấn; hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh phế thải xây dựng, khối lượng khoảng 501 tấn/giai đoạn thi công, thành phần chủ yếu gồm: Gỗ, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn...

- Đào đất các hạng mục công trình phát sinh 9625 tấn đất đào đổ thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Bùn từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa của dự án, khối lượng khoảng 34,57 tấn/năm.

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước thải cục bộ có khối lượng phát sinh khoảng 17,82 tấn/năm.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại (giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc dầu; nhựa đường thải; đầu mẫu que hàn thải; vỏ hộp sơn và chổi quét sơn thải,...) phát sinh lớn nhất khoảng 162,5 kg trong toàn bộ thời gian thi công.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

- Chất thải nguy hại phát sinh từ ô đất: ô đất công cộng dịch vụ ở và đất trường học,...: Đơn vị được giao làm Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành các hạng mục công trình rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và độ rung.

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, ... phát sinh tiếng ồn và độ rung.

5. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 15ha, tác động đến kinh tế xã hội, an ninh lương thực, việc làm của người dân do chiếm dụng đất nông nghiệp, đất trồng lúa.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải ảnh hưởng tới đến hoạt động giao thông hiện trạng, tác động đến khu dân cư liền kề dự án; tác động đến các đối tượng nằm trong dự án; tác động đến kinh tế xã hội hoạt khu vực Dự án,... và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, sụt lún công trình, tai nạn lao động, tai nạn giao thông...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

- Tác động do nước mưa chảy tràn kéo theo các tạp chất trên bề mặt công trình sẽ gây ra tác động suy giảm chất lượng nước mặt và gia tăng độ đục của nước mặt.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: trong khu vực dự án kéo theo một lượng các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất.

- Khi hệ thống xử lý nước thải của dự án bị hư hỏng các thiết bị, chập cháy hệ thống điện, chết vi sinh... sẽ làm ngừng hoạt động toàn bộ hệ thống hoặc hệ thống hoạt động không hiệu quả dẫn đến nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn môi trường, gây ô nhiễm môi trường nước nguồn tiếp nhận.

- An toàn giao thông: khi dự án đi vào vận hành hoạt động đi lại ra vào dự án ảnh hưởng tới tình hình an toàn giao thông của khu vực.

- Ngoài ra còn có sự cố như cháy nổ, mất an toàn giao thông,...

2.3. Biện pháp bảo vệ tác động xấu đến môi trường.

2.3.1. Các công trình và biện pháp thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải, khí thải

1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các Văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh của công nhân thi công trên công trường được thu gom và xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng (dung tích khoảng 1.500 lít/nhà vệ sinh). Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có

chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ các nhà vệ sinh theo quy định và tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Nước thải thi công: bố trí 01 cầu rửa xe có các hố lắng và vãi thấm dầu tại công ra vào công trường phía Đông của Dự án. Lượng nước này sau khi lắng cặn sẽ được tái sử dụng để xịt rửa lốp xe, làm ẩm các tuyến đường xung quanh dự án không thải ra ngoài môi trường. Dầu mỡ phát sinh được lọc bằng tấm vải chuyên dụng, định kỳ sẽ thay thế vải nhiễm dầu mỡ này được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại. Định kỳ thực hiện nạo vét hố ga, hệ thống thoát nước hoặc khi hố lắng đầy, thuê đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi theo đúng quy định. Khi kết thúc hoạt động thi công, toàn bộ nước thải, bùn lắng được Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh nước thải sinh hoạt

Bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với nước thải.

Dự án: GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6. Chỉ tiến hành xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại ô đất ĐG-6 nên giai đoạn vận hành không phát sinh nước thải.

Đối với nước thải từ các ô đất công cộng dịch vụ ở, đất công cộng khu vực, đất trường học,... phải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; hệ số K=1,0 áp dụng cho khu dân cư từ 50 căn hộ trở lên) đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng cột B QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

Riêng đối với nước thải từ khu đất y tế thuộc đất công cộng thành phố sau này sẽ thực hiện dự án riêng được xử lý cục bộ đạt QCVN 28:2010/BTNMT đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước của dự án.

- Đối với nước thải tại khu vực cây xanh công cộng, mặt nước: đơn vị được giao thực hiện, quản lý, vận hành công trình rà soát tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về môi trường.

2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể:

a. Giai đoạn thi công:

Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5m xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi khu vực thi công và đường tiếp cận với tần suất 2 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi trên công trường với tần suất 1 lần/ngày; rửa xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; trong quá trình tập kết nguyên vật liệu, chủ dự án yêu cầu nhà thầu tập kết vật liệu theo từng vị trí, mỗi vị trí tập kết vật liệu sẽ phải quây phủ bạt để tránh phát tán bụi; phun nước tưới ẩm vật liệu xây dựng như cát, đá nhằm hạn chế bụi khuếch tán vào môi trường; trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

b. Giai đoạn vận hành:

Đơn vị được giao quản lý vận hành thực hiện:

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh, quét dọn tại các tuyến đường trong và xung quanh

Dự án.

- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch. Thường xuyên chăm sóc hệ thống cây xanh, định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước mưa.

- Mùi phát sinh từ điểm tập kết rác: Thu gom chất thải sinh hoạt thường xuyên (hàng ngày), tiến hành phun khử mùi định kỳ để giảm thiểu mùi phát sinh.

3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

***. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

Thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và khoản 6 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí các thùng để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định trên công trường. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất thu gom 1 ngày/lần.

b) Giai đoạn vận hành

- Phân loại chất thải rắn: Yêu cầu các dự án thực hiện riêng nằm trong khu đất thực hiện thu gom, phân loại rác thải ngay tại nguồn theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ ô đất công cộng dịch vụ, đất công cộng khu vực, đất trường học: Đơn vị được giao làm Chủ dự án, quản lý vận hành công trình rà soát tự tính toán, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

***. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường**

Thực hiện thu gom, lưu giữ và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định tại Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 24, 25, 33, 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Toàn bộ với bùn hữu cơ, đất đào công trình được tập kết tại vị trí trồng cây xanh có diện tích khoảng 200m² để tận dụng trồng cây xanh và được che phủ bằng bạt, đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Toàn bộ bùn từ quá trình nạo vét kênh mương được thu gom về khu tập kết bãi chứa bùn thải tạm trên công trường có diện tích khoảng 50 m², để tái sử dụng cho hoạt động san lấp mặt bằng, trồng cây xanh và được che phủ bằng bạt, đảm bảo theo đúng quy định.

- Toàn bộ chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật và phế thải xây dựng phát sinh tại công trường sẽ được thu gom về 2 khu bãi thải tạm chứa chất thải xây dựng có diện tích khoảng 100m²/bãi có bố trí bạt để che phủ, cạnh công ra vào của công trường phía Đông dự án. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý về bãi đổ thải theo quy định.

- Các loại phế thải có thể tận dụng như sắt, thép, tôn,...sẽ phân loại, thu gom và bán cho các cơ sở có chức năng thu mua phế liệu.

- Bố trí công nhân dọn vệ sinh tại công trường; thu dọn chất thải thi công phát sinh. Chủ đầu tư sẽ cử 02 nhân viên có trách nhiệm giám sát vệ sinh môi trường tại công trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên nạo vét bùn thải tại hệ thống thu gom nước mưa và nước thải. Tần suất khoảng 06 tháng/lần.

Đơn vị quản lý và vận hành thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải theo đúng quy định

***. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại**

Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10 m² trong phạm vi ranh giới dự án, có cốt nền cao, xa nguồn nước, mái tôn che, nền gạch; bố trí các thùng để thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại, thực hiện dán nhãn, ghi mã số, gắn biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh CTNH

- Yêu cầu các công trình trong các lô đất tại Dự án phải có phương án thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải nguy hại đúng quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ ô đất công cộng thành phố, ô đất công cộng dịch vụ ở, ô đất công cộng khu vực, ô đất trường học: Đơn vị được giao Chủ dự án đầu tư, quản lý vận hành rà soát thực hiện thủ tục môi trường riêng và tự tính toán, chịu trách nhiệm thực hiện thu gom, phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và quá trình thi công xây dựng đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công theo quy định, không thi công vào các khung giờ nghỉ ngơi.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao 2,5 m.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc; phương tiện chuyên chở vật liệu san lấp, vật liệu thi công phải đạt các tiêu chuẩn quy định.

- Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và đạt mức độ ồn cho phép.

- Các thiết bị và máy móc thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng ký, kiểm định theo quy định.

- Hạn chế vận hành các thiết bị đồng thời, tắt các máy móc khi không cần thiết.

- Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích đất trồng cây xanh theo quy định.

- Thực hiện thường xuyên duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật dự án.
- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe tham gia giao thông trong dự án.

5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hệ thống thu gom nước mưa: Bố trí hệ thống mương thu nước, các hố ga lắng cặn có lưới chắn để thu gom rác sau đó chảy vào hệ thống thoát nước hiện trạng của khu vực. Thực hiện nạo vét hố ga 01 lần/tuần vào mùa mưa, 01 tháng/lần vào mùa khô và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- An toàn lao động: Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; xây dựng và ban hành các nội quy về làm việc trên công trường; hệ thống biển báo theo quy định;...

- Phòng chống cháy nổ: Ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị các phương tiện chữa cháy: bình bột, bao cát, mặt nạ phòng độc...

- Sự cố sụt lún công trình: Thi công đúng thiết kế, phạm vi dự án; kiểm tra mức rung của các máy móc thiết bị (xe tải, máy lu, đầm...) và đưa ra phương pháp giảm rung phù hợp; phối hợp với đơn vị quản lý các công trình thủy lợi và các hộ dân để theo dõi sụt lún, rạn nứt các công trình, khi xảy ra sụt lún mà nguyên nhân được xác định là do hoạt động của dự án thì tạm dừng thi công. Khi xảy ra sự cố sụt lún, nứt, đổ các công trình, Chủ dự án phối hợp với các bên liên quan tiến hành đánh giá mức độ thiệt hại, khắc phục sự cố nếu thiệt hại gây ra được xác định là do hoạt động thi công của dự án.

- Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Quy định tốc độ xe ra vào trong công trường; Lắp đèn, biển báo tại các vị trí cần thiết thông báo tình trạng khu vực Dự án;...

- Sự cố ngập lụt do thiên tai: khi có biểu hiện ngập lụt (mưa lớn, nước dâng nhanh) nhanh chóng di dời thiết bị ra khỏi công trường, bố trí hệ thống máy bơm nước.

b) Giai đoạn vận hành

- Đảm bảo an toàn giao thông: Lắp đặt các biển báo giao thông trên tất cả các đoạn đường trong khu vực Dự án và tuyên truyền, phổ biến luật an toàn giao thông cho các hộ gia đình thuộc khu vực dự án.

- An toàn về cháy, nổ: Bố trí các trụ cứu hoả, họng lấy nước chữa cháy đáp ứng theo tiêu chuẩn chữa cháy TCVN 6379-1998,...

- Sự cố ngập úng: Khai thông cống rãnh hàng năm; thường xuyên vệ sinh bề mặt, làm tốt công tác vệ sinh môi trường khu vực dự án; sử dụng máy bơm để bơm thoát nước ra điểm xả theo quy định khi có ngập lụt xảy ra.

Thực hiện thường xuyên duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật dự án; chăm sóc, cắt tỉa cây xanh; vệ sinh mặt đường; nạo vét hệ thống cống thoát nước; thu gom rác dọc tuyến đường trong dự án.

+ Hệ thống thu gom nước mưa: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án: “ GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6” theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2025 của UBND xã Phúc Thịnh đã được phê duyệt. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng, nước mưa trên tuyến đường được thu gom vào các tuyến cống BTCT đúc sẵn, cống có tiết diện từ D800, D1000, D1500, BxH= 1,0x0,8m, BxH=2,0x1,5m dọc qua các ga thu trực tiếp rồi thoát về tuyến cống Bxh=3,00x2,00m thuộc tuyến đường Đản Dị đi Võ Nguyên Giáp và thoát về tuyến cống dự án theo quy hoạch hoặc thoát về tuyến mương dọc phía Tây dự án qua 02 cửa xả. Trước mắt khi hệ thống cống và đường quy hoạch chưa được đầu tư đồng bộ nước mặt của dự án sau khi được thu gom xử lý lắng cặn qua các hố ga nằm dọc theo tuyến cống sẽ được thoát tạm vào các mương hiện trạng cạnh khu đất dự án.

+ Thực hiện nạo vét hố ga 6 tháng/lần và thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Tuân thủ các quy định kỹ thuật quan trắc và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công, xây dựng

Theo đề xuất của Chủ dự án đầu tư:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (KK1: Khu vực tập kết vật liệu của dự án, KK2: Khu vực tập kết chất thải và KK3: khu vực phía Đông dự án gần khu dân cư).

- Thông số giám sát: SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần, trong suốt thời gian thi công dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

2.4.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại giai đoạn thi công, xây dựng

Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

a. Giám sát nước thải

Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường, chương trình quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và trong giai đoạn hoạt động được quy định trong Giấy phép môi trường.

b. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Giám sát thường xuyên hiện tượng sụt lún, hư hại các hạng mục công trình trong thời gian bảo hành công trình khoảng 24 tháng.

- Giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy: thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Các nội dung khác: Không

3. Cam kết của Chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Mục 2 Chương X Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của Chủ dự án đầu tư, nhà thầu thi công trong thi công công trình xây dựng Dự án và theo chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023 của Bộ Xây dựng.

- Tuân thủ việc xây dựng theo đúng quy hoạch và quy định; Báo cáo đánh giá tác động môi trường này chỉ phục vụ mục đích bảo vệ môi trường, không có giá trị pháp lý thay cho mục đích liên quan đến đất đai, quy hoạch và xây dựng.

- Chủ dự án đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được tiến hành xây dựng các hạng mục công trình của Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chủ động phối hợp với địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ ổn định cho các hộ dân bị ảnh hưởng và chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi được bàn giao mặt bằng; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất trồng lúa và tổ chức thực hiện theo quy định; tuân thủ Luật Đất đai.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý tổ chức thi công phù hợp, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến cảnh quan, không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, chất lượng nước mặt, hệ thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Đảm bảo có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án; thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn.

- Đảm bảo về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP; DA1(5).



